

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02-5-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Nga
- Ông Trịnh Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Chi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 421/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị D, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa: Chị D, anh T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2023, đơn khởi kiện ngày 09/10/2023, bản tự khai ngày 27/3/2024, bản trình bày ý kiến ngày 26/4/2024 nguyên đơn chị Ngô Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Ngọc T có tình cảm, yêu thương, tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới năm 2018, đăng kết hôn vào ngày 18/5/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân trong cuộc sống hàng ngày, anh T không lo làm ăn, hay đánh đập chị; vợ chồng nhiều lần nói chuyện với nhau nhưng không tìm được tiếng nói chung, hai bên gia đình cũng khuyên giải nhiều nhưng cũng không hòa hợp được nên phần ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau nữa; vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Ngọc T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Phạm Thanh T1, sinh ngày 12/01/2018, cháu T1 đang sống cùng với cha mẹ anh T. Trước đây chị yêu cầu giao cháu T1 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, hiện nay anh T bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q tạm giam về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên chị D yêu cầu Tòa án giao cháu T1 cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị D đang sống tại nhà cha mẹ ở thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; chị D là nhân viên bán hàng cho Công ty T2 thuộc nhà máy B, thu nhập hàng tháng là 8.000.000 đồng.

Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

Bản tự khai ngày 27/3/2024 bị đơn anh Phạm Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ngô Thị D tự nguyện đến với nhau vào năm 2018, đăng kết hôn vào ngày 18/5/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q. Quá trình chung sống bản thân anh không có trách nhiệm với vợ con nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ giữa năm 2020 cho đến nay. Nay chị Ngô Thị D có đơn yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung là cháu Phạm Thanh T1, sinh ngày 12/01/2018, cháu T1 đang sống cùng với cha mẹ anh T tại xã T, thành phố Q nên khi ly hôn, anh T không đồng ý giao cháu T1 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì trước giờ cháu T1 ở với cha mẹ anh ở xã T, thành phố Q bà D không tới thăm con.

Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

Hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thành phố Q nên anh T yêu cầu Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; anh T yêu cầu được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ ly hôn giữa anh với chị D.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly giữa chị Ngô Thị D và anh Phạm Ngọc T; căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ năm 2014 giao cháu Phạm Thanh T1, sinh ngày 12/01/2018 cho chị Ngô Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không có ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung chị D, anh T thống nhất không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có.

Chị D và anh T phải chịu án phí thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Ngô Thị D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Ngọc T. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị D và bị đơn anh Phạm Ngọc T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D, anh T.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị D và anh Phạm Ngọc T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 18/5/2020; trước khi kết hôn có tìm hiểu, yêu thương và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống vào năm 2018 nên hôn nhân giữa chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình.

Chị D cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân anh T không lo làm ăn, hay đánh đập chị; giữa chị D và anh T nhiều lần nói chuyện với nhau, nhưng không tìm được tiếng nói chung, hai bên gia đình cũng khuyên giải nhiều nhưng cũng không hòa hợp được, do đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay, cả hai bên đều không còn quan

tâm về nhau. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Phạm Ngọc T. Còn anh T xác định trong thời gian vợ chồng chung sống, do bản thân anh không có trách nhiệm với vợ, con nên vợ chồng không còn hạnh phúc, đã sống riêng từ giữa năm 2020 cho đến nay; việc chị D có đơn yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý ly hôn với chị D. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị D và anh Phạm Ngọc T.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung là cháu Phạm Thanh T1, sinh ngày 12/01/2018; chị D yêu cầu giao cháu T1 cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T không đồng ý giao cháu T1 cho chị D nuôi dưỡng vì hiện nay cháu T1 đang sống với cha mẹ anh T. Xét yêu cầu của chị D và việc anh T không đồng ý giao cháu Phạm Thanh T1 cho chị D trực tiếp nuôi dạy. Hội đồng xét xử thấy, hiện nay anh T đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q tạm giam về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1 của anh T không có. Theo quy định tại Điều 58, Điều 69, khoản 1 Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình thì con phải do cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dạy, cha mẹ của anh T (ông bà nội) không có nghĩa vụ, trách nhiệm phải nuôi cháu Phạm Thanh T1 thay cho anh T; chị D có việc làm, có thu nhập và có chỗ ở ổn định nên đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1 và chị D mong muốn được thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ, tình thương của người mẹ. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 69, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu T1, sinh ngày 12/01/2018 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Phạm Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị D và anh T xác định anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị D và anh T xác định giữa anh, chị không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị D phải chịu án phí thuận tình ly hôn 75.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000063 ngày 27/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, hoàn trả cho chị D 225.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*); anh T phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí thuận tình ly hôn.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 69, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị D.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị D và anh Phạm Ngọc T. Chị Ngô Thị D và anh Phạm Ngọc T chấm dứt hôn nhân.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thanh T1, sinh ngày 12/01/2018 cho chị Ngô Thị D trực tiếp trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Phạm Ngọc T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét phân chia tài sản chung của chị Ngô Thị D và anh Phạm Ngọc T trong vụ án này.

Chị D và anh T xác định giữa anh, chị không có nợ chung, nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1 Chị Ngô Thị D phải chịu 75.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng, số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000063 ngày 27/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; hoàn trả cho chị D 225.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*);

4.2 Anh Phạm Ngọc T phải chịu 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí thuận tình ly hôn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS TP Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh Ấn Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Quyên

